

Số: **170**/KH-UBND

Hoàng Mai, ngày **27** tháng **5** năm 2021

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh vào mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021 - 2022

Căn cứ các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Căn cứ Công văn số 1199/SGDĐT-QLT ngày 13/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2021 - 2022;

UBND Quận ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021 - 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

- Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở một số trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

- Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm trước UBND Quận và phòng Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh của đơn vị mình.

II. NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Nguyên tắc chung: tuyển sinh năm học 2021 - 2022 căn cứ vào:

- Số học sinh trong độ tuổi trên địa bàn từng phường qua kết quả điều tra phổ cập giáo dục (tháng 10/2020) và số trẻ chuyển đi, chuyển đến (từ tháng 11/2020 đến 20/4/2021) theo xác nhận của UBND phường và Công an phường.
- Số phòng học hiện có của từng trường.
- Đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh và phân tuyến tuyển sinh của Phường và Trường.
- Kết quả tuyển sinh năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021.
- Hạn chế tối đa học sinh trái tuyến.

2. Nguyên tắc riêng:

a. Đối với mầm non: Căn cứ Điều lệ trường Mầm non, quy định về số lớp, số trẻ/lớp theo độ tuổi, số giáo viên hiện có, ưu tiên tuyển sinh trẻ 5 tuổi, khả năng trường có thể đáp ứng để tuyển số trẻ cho phù hợp.

b. Đối với tiểu học (lớp 1): Tuyển hết số trẻ 6 tuổi (sinh năm 2015).

c. Đối với THCS (lớp 6): Tuyển hết số lượng học sinh 11 tuổi (sinh năm 2010) đã hoàn thành chương trình tiểu học.

III. NỘI DUNG

1. Tuyển sinh vào các trường mầm non

a. Phương thức và đối tượng:

- **Phương thức:** Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyến tuyển sinh do UBND Quận quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

- **Đối tượng:** Trẻ trong độ tuổi mầm non trên địa bàn.

b. Độ tuổi dự tuyển:

- Căn cứ tình hình của đơn vị, nhà trường tổ chức tuyển sinh đúng đối tượng, trong đó ưu tiên nhận trẻ 5 tuổi để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- **Lưu ý:**

+ Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ mầm non ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

+ Các trường phối hợp với UBND phường về công tác tuyển sinh; phối hợp với các đơn vị khác trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của UBND phường, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ dân phố về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ tuyến tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyến tuyển sinh quy định. Trường hợp số trẻ đăng ký học tại trường vượt quá khả năng tiếp nhận, nhà trường phải ưu tiên tiếp nhận trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc tuyến tuyển sinh được giao.

+ Số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định Điều 13 Điều lệ trường mầm non. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại Điều 13 thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định.

c. Hồ sơ tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp, in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

- Bản phôtô Sổ hộ khẩu (không cần công chứng, kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của Công an Quận hoặc giấy xác nhận cư trú tại địa bàn của Công an cấp phường.

d. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh: theo phụ lục PL1a_tkts MN và CT_Mầm non đính kèm.

2. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6

a. Phương thức và đối tượng:

- **Phương thức:** Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND Quận quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

- **Đối tượng:**

+ Đối tượng dự tuyển vào lớp 1: Những học sinh trong độ tuổi vào học lớp 1.

+ Đối tượng dự tuyển vào lớp 6: Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học.

b. Độ tuổi tuyển sinh:

* Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 06 tuổi (sinh năm 2015). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 07 đến 09 tuổi. Tuyệt đối không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

* Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2010).

- Những trường hợp đặc biệt:

● Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học;

● Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

c. Hồ sơ tuyển sinh:

* Lớp 1:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 1 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Bản photo Sổ hộ khẩu (không cần công chứng, kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của Công an Quận hoặc giấy xác nhận cư trú tại địa bàn của Công an phường cấp.

*** Lớp 6:**

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 6 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản chính học bạ cấp Tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

- Bản photo Sổ hộ khẩu (không cần công chứng, kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của Công an Quận hoặc giấy xác nhận cư trú tại địa bàn của Công an cấp phường;

- Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có).

d. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh: theo phụ lục PL1b_tkts1, CT_Lớp 1; PL1c_tkts6 và CT_Lớp 6 đính kèm.

3. Thời gian tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh	Mầm non	Lớp 1	Lớp 6	Ngoài công lập
Trực tuyến	Từ ngày 15/7 đến hết ngày 17/7/2021	Từ ngày 12/7 đến hết ngày 14/7/2021	Từ ngày 18/7 đến hết ngày 20/7/2021	
Trực tiếp	Từ ngày 23/7 đến hết ngày 28/7/2021	Từ ngày 23/7 đến hết ngày 28/7/2021	Từ ngày 23/7 đến hết ngày 28/7/2021	Từ ngày 29/5 đến hết ngày 28/7/2021

4. Lưu ý

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến hết ngày 28/7/2021.

- 11 giờ 00 ngày 29/7/2021, các trường báo cáo công tác tuyển sinh về phòng Giáo dục và Đào tạo (theo mẫu). Đối với những trường tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu được giao hoặc số học sinh nộp hồ sơ vào trường vượt chỉ tiêu tuyển sinh được giao thì phải báo cáo về phòng Giáo dục và Đào tạo (kèm theo danh sách học sinh dự kiến tuyển bổ sung). Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND Quận cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ ngày 30/7/2021 đến ngày 01/8/2021; riêng đối với các trường Mầm non được tuyển sinh đến khi đủ chỉ tiêu được giao.

- Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập:

- + Không phân tuyển tuyển sinh. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn của

mỗi trường, nhà trường xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý theo đúng quy định, báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo để trình UBND Quận phê duyệt.

+ Căn cứ vào cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhà trường đề xuất phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND Quận giao chỉ tiêu tuyển sinh cho trường.

+ Các trường phải niêm yết công khai thủ tục nhập học, quyền và nghĩa vụ của học sinh, cha mẹ học sinh trước khi làm thủ tục nhập học cho học sinh. Các trường tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Thời gian tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, cụ thể là bắt đầu từ ngày 29/5/2021 đến ngày 28/7/2021; cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào phần mềm sổ điểm điện tử chậm nhất ngày 03/8/2021.

- Công tác đảm bảo về phòng, chống dịch Covid-19:

Căn cứ diễn biến của dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong trường hợp đến thời điểm tổ chức tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2021 - 2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Hội đồng tuyển sinh của các trường cần phải thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, UBND Quận (chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và xây dựng các phương án cụ thể...), đảm bảo sự an toàn và sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

IV. LỊCH HỌC CỦA CÁC KHỐI SAU KHI TUYỂN SINH

Căn cứ dự kiến kết quả tuyển sinh, UBND Quận dự kiến số giáo viên cần bổ sung và lịch học của các trường công lập trên địa bàn Quận như sau:

1. Dự kiến số giáo viên cần bổ sung cho các trường công lập

- Cấp Mầm non: 369 lớp (tăng 14 lớp) cần 820 giáo viên, 398 nhân viên; hiện có tại các trường: 755 giáo viên biên chế, 350 nhân viên biên chế và hợp đồng 68; cần bổ sung 84 giáo viên, 48 nhân viên.

- Cấp Tiểu học: 839 lớp (tăng 75 lớp) cần 1.258 giáo viên, 159 nhân viên; hiện có tại các trường: 978 giáo viên biên chế, 133 nhân viên biên chế và hợp đồng 68; cần bổ sung 278 giáo viên, 26 nhân viên.

- Cấp THCS: 500 lớp (tăng 34 lớp) cần 947 giáo viên, 142 nhân viên; hiện có tại các trường: 689 giáo viên biên chế, 115 nhân viên biên chế và hợp đồng 68; cần bổ sung 248 giáo viên, 27 nhân viên.

Tổng số toàn Ngành cần bổ sung: 610 giáo viên, 101 nhân viên

2. Dự kiến lịch học của các trường công lập

a. Khối Mầm non: 22/22 trường học 02 buổi/ngày ở tất cả các lớp.

b. Khối Tiểu học:

- 06/19 trường (Hoàng Văn Thụ, Lĩnh Nam, Thúy Lĩnh, Định Công, Mai Động, Tân Mai): học 2 buổi/ngày.

- 10/19 trường (Trần Phú, Đại Từ, Yên Sở, Chu Văn An, Hoàng Liệt 1, Hoàng Liệt 2, Đền Lừ, Giáp Bát, Thanh Trì, Thịnh Liệt): học 10 buổi/tuần có luân phiên thứ bảy.

- 01/19 trường (Tân Định): Khối 1,2,3,5 học 10 buổi/tuần có luân phiên thứ bảy, Khối 4 học 09 buổi/tuần có luân phiên thứ 7.

- 02/19 trường (Vĩnh Hưng, Đại Kim): Khối 1,2 học 10 buổi/tuần có luân phiên thứ bảy, Khối 3, 4, 5 học 08 buổi/tuần có luân phiên thứ 7.

c. Khối THCS:

- 07/15 trường (Đền Lừ, Giáp Bát, Hoàng Văn Thụ, Thanh Trì, Thịnh Liệt, Trần Phú, Yên Sở): học 6 buổi/tuần, 1 buổi/ngày.

- 08/15 trường (Đại Kim, Định Công, Hoàng Liệt, Lĩnh Nam, Mai Động, Tân Định, Tân Mai, Vĩnh Hưng): học 6 buổi/tuần, 2 ca/ngày.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận:

- Chủ động tham mưu với UBND Quận thực hiện rà soát danh sách tổ dân phố, các khu dân cư, đô thị mới để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyến tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các phường với các trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ, số học sinh đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an phường xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND Quận trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

- Tổng hợp Kế hoạch tuyển sinh của các trường trên địa bàn, lập kế hoạch tuyển sinh, trình UBND Quận phê duyệt và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai Kế hoạch tuyển sinh, tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn Quận.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường trên địa bàn Quận.

- Công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học và THCS trên Cổng thông tin điện tử của Ngành và phối hợp với UBND phường tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

- Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ và không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1 và lớp 6; kiểm soát chặt chẽ chỉ tiêu tuyển sinh, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học

sinh trên một lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn Quốc gia (mẫu giáo 3-4 tuổi có không quá 25 trẻ/lớp; mẫu giáo 4-5 tuổi có không quá 30 trẻ/lớp; mẫu giáo 5-6 tuổi có không quá 35 trẻ/lớp; tiểu học có không quá 35 học sinh/lớp; trung học cơ sở có không quá 45 học sinh/lớp).

- Chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, THCS cấp mã học sinh cho cha mẹ học sinh, tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

- Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị liên quan tham mưu với UBND Quận về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những địa bàn chưa đủ phòng học theo quy định), tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều về chất lượng giáo dục giữa các trường. Phòng Giáo dục và Đào tạo có biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các trường, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường, đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở vật chất (tránh tình trạng có trường tuyển sinh vượt quá nhiều so với chỉ tiêu, trong khi đó có trường không tuyển đủ chỉ tiêu gây lãng phí về cơ sở vật chất, đội ngũ, tạo bức xúc cho người dân và dư luận xã hội).

- Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2021 - 2022 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến.

- Tham mưu với UBND Quận chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về công tác tuyển sinh.

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế Quận và các đơn vị liên quan tham mưu với UBND Quận chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương và Thành phố (trong trường hợp đến thời điểm tổ chức kỳ tuyển sinh năm học 2021 - 2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19).

2. Phòng Văn hóa và Thông tin Quận:

Tăng cường tuyên truyền công khai Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021 - 2022 trên các phương tiện thông tin, truyền thông.

3. Công an Quận:

- Chỉ đạo Công an phường chủ động phối hợp với các trường trên địa bàn trong công tác tuyển sinh; có phương án nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

- Yêu cầu Công an phường phối hợp với các trường trên địa bàn cung cấp số liệu học sinh trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn chuyển đến, chuyển đi tính từ tháng 11/2020 đến ngày 20/4/2021, xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đã cung cấp.

4. Phòng Y tế và Trung tâm Y tế Quận.

Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và UBND Quận (trong trường hợp đến thời điểm tổ chức kỳ tuyển sinh năm học 2021 - 2022 bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19).

5. UBND phường:

- Cung cấp cho các trường công lập số liệu điều tra số trẻ ở từng độ tuổi đi học trên địa bàn, xác nhận về chịu trách nhiệm về tính chính xác để phục vụ cho phân tuyến tuyển sinh hợp lý.

- Phối hợp với các trường thuộc phường tuyên truyền, phổ biến kế hoạch công tác tuyển sinh của trường và Quận năm học 2021 - 2022 đến toàn thể nhân dân trên địa bàn; đặc biệt quan tâm, tuyên truyền, hướng dẫn công tác tuyển sinh trực tuyến.

- Chỉ đạo Công an phường, các nhà trường trên địa bàn phường chịu trách nhiệm trong công tác điều tra, rà soát và xác nhận cư trú trên địa bàn phường theo quy định hiện hành.

- Đối với các phường có từ 02 trường công lập/cấp học trở lên: UBND phường tổ chức họp thống nhất đề xuất phân tuyến khu vực tuyển sinh và số lượng tuyển sinh học sinh (*theo phân tuyến*) cho từng trường phù hợp với tổng số học sinh trong Phường.

- Rà soát, cung cấp danh mục khu dân cư, tổ dân phố, khu đô thị mới khi phòng Giáo dục và Đào tạo và nhà trường đề nghị để bổ sung trên phần mềm và phục vụ phân tuyến tuyển sinh.

6. Các trường mầm non, tiểu học và THCS:

- Chủ động phối hợp với UBND và Công an các phường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công; chủ động xây dựng Kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2021 - 2022 của trường, báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức hướng dẫn.

- Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND Quận quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng Giáo dục và Đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về tuyển sinh trực tuyến.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, thành lập tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

- Mỗi trường thành lập một Hội đồng tuyển sinh trình Trường phòng Giáo dục và Đào tạo Quận ra Quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số Ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức cấp mã học sinh cho cha mẹ học sinh; hướng dẫn cha mẹ học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin mã học sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về mã học sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

- Tổ chức tuyển sinh:

+ Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh...trong Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Học bạ (đối với lớp 6), dữ liệu tuyển sinh trực tuyến (nếu có), nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: “Đã kiểm tra khớp với bản chính sổ hộ khẩu và hồ sơ tuyển sinh” sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên;

+ Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

+ Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

+ Chủ động phối hợp với cơ quan Y tế địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương và Thành phố (trong trường hợp đến thời điểm tổ chức kỳ thi tuyển sinh năm học 2021-2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19).

- Lãnh đạo nhà trường phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, báo cáo kết quả tuyển sinh với UBND phường và phòng Giáo dục và Đào tạo.

7. Chế độ báo cáo (theo Lịch công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021 - 2022 đã ban hành kèm theo Công văn số 833/UBND-GDĐT ngày 19/4/2021 của UBND quận Hoàng Mai).

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 trên địa bàn quận Hoàng Mai năm học 2021 - 2022. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có những khó khăn vướng mắc, thì Thủ trưởng đơn vị cần phản ánh kịp thời qua phòng Giáo dục và Đào tạo Quận để tổng hợp, báo cáo UBND Quận chỉ đạo, giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TT Quận ủy, TT HĐND Quận; (để b/c)
- Đ/c Chủ tịch UBND Quận;
- Đ/c Trần Quý Thái- PCT UBND Quận;
- Các phòng: GD&ĐT, Nội vụ, Y tế, TCKH, Văn hóa và Thông tin;
- Công an Quận Hoàng Mai;
- UBND 14 phường thuộc Quận;
- Các trường MN, TH, THCS thuộc Quận;
- Công TTĐT Quận;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quý Thái

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO MẦM NON NĂM HỌC 2021 - 2022(Kèm theo Kế hoạch số: 170 /KH-UBND ngày 27/5/2021 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Trường Mầm non	Lớp học		Số học sinh			Số HS/lớp
		Tên lớp	Số lớp	Số HS cũ năm học 2020-2021	Số HS tuyển mới năm học 2021-2022	Tổng số sau tuyển sinh	
1	2	3	4	5	6	7	8
I. Công lập:							
1	10.10	Nhà trẻ	2	2	58	60	30
		Mẫu giáo 3 tuổi	4	75	65	140	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	5	118	49	167	33
		Mẫu giáo 5 tuổi	5	162	27	189	38
		Cộng	16	357	199	556	35
2	Tương Mai	Nhà trẻ	2	0	60	60	30
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	58	152	210	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	5	156	27	183	37
		Mẫu giáo 5 tuổi	6	185	32	217	36
		Cộng	19	399	271	670	35
3	Tuổi Thơ	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	0	75	75	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	85	35	120	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	5	140	35	175	35
		Cộng	12	225	145	370	31
4	Hoàng Văn Thụ	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	0	70	70	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	84	64	148	37
		Mẫu giáo 5 tuổi	5	138	31	169	34
		Cộng	11	222	165	387	35
5	Tân Mai	Nhà trẻ	2	0	50	50	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	5	65	60	125	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	96	24	120	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	86	19	105	35
		Cộng	14	247	153	400	29
6	Hoa Mai	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	0	50	50	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	106	0	106	35
		Mẫu giáo 5 tuổi	5	151	9	160	32
		Cộng	10	257	59	316	32
7	Hoa Hồng	Nhà trẻ	1	0	25	25	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	37	23	60	30
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	84	6	90	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	93	14	107	36
		Cộng	9	214	68	282	31
8	Mai Động	Nhà trẻ	1	0	35	35	35
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	48	162	210	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	6	158	82	240	40
		Mẫu giáo 5 tuổi	5	154	30	184	37
		Cộng	18	360	309	669	37
9	Bình Minh	Nhà trẻ	2	0	50	50	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	39	36	75	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	52	29	81	41
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	73	19	92	31
		Cộng	10	164	134	298	30

TT	Trường Mầm non	Lớp học		Số học sinh			Số HS/lớp
		Tên lớp	Số lớp	Số HS cũ năm học 2020-2021	Số HS tuyển mới năm học 2021-2022	Tổng số sau tuyển sinh	
10	Giáp Bát	Nhà trẻ	1	0	25	25	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	37	38	75	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	85	35	120	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	4	96	21	117	29
		<i>Cộng</i>	12	218	119	337	28
11	Định Công	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	8	0	240	240	30
		Mẫu giáo 4 tuổi	9	253	35	288	32
		Mẫu giáo 5 tuổi	10	263	87	350	35
		<i>Cộng</i>	27	516	362	878	33
12	Yên Sở	Nhà trẻ	2	0	40	40	20
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	0	150	150	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	7	200	10	210	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	10	260	90	350	35
		<i>Cộng</i>	25	460	290	750	30
13	Đại Kim	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	0	180	180	30
		Mẫu giáo 4 tuổi	7	91	154	245	35
		Mẫu giáo 5 tuổi	8	273	31	304	38
		<i>Cộng</i>	21	364	365	729	35
14	Hoa Sữa	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	4	0	140	140	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	5	0	160	160	32
		Mẫu giáo 5 tuổi	8	244	80	324	41
		<i>Cộng</i>	17	244	380	624	37
15	Thịnh Liệt	Nhà trẻ	1	0	35	35	35
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	31	191	222	37
		Mẫu giáo 4 tuổi	7	196	96	292	42
		Mẫu giáo 5 tuổi	9	306	51	357	40
		<i>Cộng</i>	23	533	373	906	39
16	Trần Phú	Nhà trẻ	2	0	50	50	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	71	19	90	30
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	95	10	105	35
		Mẫu giáo 5 tuổi	4	120	20	140	35
		<i>Cộng</i>	12	286	99	385	32
17	Thanh trì	Nhà trẻ	1	0	25	25	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	4	35	65	100	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	85	40	125	31
		Mẫu giáo 5 tuổi	4	120	22	142	36
		<i>Cộng</i>	13	240	152	392	30
18	Sơn Ca	Nhà trẻ	2	0	50	50	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	70	92	162	27
		Mẫu giáo 4 tuổi	6	170	20	190	32
		Mẫu giáo 5 tuổi	6	184	31	215	36
		<i>Cộng</i>	20	424	193	617	31
19	Lĩnh Nam	Nhà trẻ	4	0	100	100	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	6	75	75	150	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	7	135	75	210	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	7	183	60	243	35
		<i>Cộng</i>	24	393	310	703	29

TT	Trường Mầm non	Lớp học		Số học sinh			Số HS/lớp
		Tên lớp	Số lớp	Số HS cũ năm học 2020-2021	Số HS tuyển mới năm học 2021-2022	Tổng số sau tuyển sinh	
20	Hoàng Liệt	Nhà trẻ	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo 3 tuổi	7	0	245	245	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	9	226	125	351	39
		Mẫu giáo 5 tuổi	9	291	82	373	41
		Cộng	25	517	452	969	39
21	Vĩnh Hưng	Nhà trẻ	2	0	70	70	35
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	0	70	70	35
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	86	73	159	40
		Mẫu giáo 5 tuổi	7	240	38	278	40
		Cộng	15	326	251	577	38
22	Linh Đàm	Nhà trẻ	3	0	75	75	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	4	72	48	120	30
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	125	15	140	35
		Mẫu giáo 5 tuổi	5	132	68	200	40
		Cộng	16	329	206	535	33
II. Ngoài công lập:							
1	Bim Bon	Nhà trẻ	2	11	19	30	15
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	22	8	30	15
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	16	14	30	15
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	21	9	30	15
		Cộng	8	70	50	120	15
2	Hoa Hương Dương	Nhà trẻ	2	0	50	50	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	57	18	75	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	81	9	90	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	79	26	105	35
		Cộng	11	217	103	320	29
3	Thanh Mai	Nhà trẻ	1	8	8	16	16
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	8	2	10	10
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	9	6	15	15
		Mẫu giáo 5 tuổi	0	0	0	0	0
		Cộng	3	25	16	41	14
4	Hương Giang	Nhà trẻ	2	12	12	24	12
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	38	11	49	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	33	1	34	17
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	26	14	40	20
		Cộng	8	109	38	147	18
5	Tư thực Mai Động	Nhà trẻ	1	8	8	16	16
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	10	10	20	20
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	9	16	25	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	11	14	25	25
		Cộng	4	38	48	86	22
6	Thăng Long	Nhà trẻ	3	8	30	38	13
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	41	25	66	22
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	52	15	67	34
		Mẫu giáo 5 tuổi	4	61	20	81	20
		Cộng	12	162	90	252	21
7	Hoa Ban	Nhà trẻ	2	35	25	60	30
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	67	23	90	30
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	53	23	76	38
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	47	10	57	29
		Cộng	9	202	81	283	31

TT	Trường Mầm non	Lớp học		Số học sinh			Số HS/lớp
		Tên lớp	Số lớp	Số HS cũ năm học 2020-2021	Số HS tuyển mới năm học 2021-2022	Tổng số sau tuyển sinh	
8	Hoàng Mai	Nhà trẻ	2	20	20	40	20
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	40	10	50	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	32	0	32	32
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	24	6	30	30
		Cộng	6	116	36	152	25
9	Vườn Xanh Nam Đô	Nhà trẻ	4	15	75	90	23
		Mẫu giáo 3 tuổi	4	80	15	95	24
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	79	10	89	22
		Mẫu giáo 5 tuổi	4	87	5	92	23
		Cộng	16	261	105	366	23
10	Ngôi Nhà Thần Tiên	Nhà trẻ	3	30	30	60	20
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	36	15	51	26
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	40	15	55	28
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	45	25	70	23
		Cộng	10	151	85	236	24
11	Trăng sáng Đại Kim	Nhà trẻ	1	3	16	19	19
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	7	20	27	14
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	30	10	40	20
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	30	14	44	22
		Cộng	7	70	60	130	19
12	Ước Mơ Nhỏ	Nhà trẻ	2	20	20	40	20
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	25	15	40	20
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	45	10	55	18
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	45	5	50	17
		Cộng	10	135	50	185	19
13	Bạch Dương	Nhà trẻ	3	15	39	54	18
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	33	27	60	20
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	31	9	40	20
		Mẫu giáo 5 tuổi	4	63	17	80	20
		Cộng	12	142	92	234	20
14	Trăng An Đại Kim	Nhà trẻ	2	0	25	25	13
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	52	17	69	23
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	68	7	75	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	44	11	55	28
		Cộng	10	164	60	224	22
15	Trăng An Linh Đàm	Nhà trẻ	4	45	45	90	23
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	45	15	60	20
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	60	15	75	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	3	65	25	90	30
		Cộng	13	215	100	315	24
16	IQ Thông Minh	Nhà trẻ	1	9	9	18	18
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	8	17	25	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	13	12	25	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	12	13	25	25
		Cộng	4	42	51	93	23
17	Trăng Sáng	Nhà trẻ	2	0	48	48	24
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	44	4	48	24
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	46	0	46	23
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	52	2	54	27
		Cộng	8	142	54	196	25

TT	Trường Mầm non	Lớp học		Số học sinh			Số HS/lớp
		Tên lớp	Số lớp	Số HS cũ năm học 2020-2021	Số HS tuyển mới năm học 2021-2022	Tổng số sau tuyển sinh	
18	Ngôi Sao	Nhà trẻ	2	10	15	25	13
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	13	10	23	23
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	16	5	21	21
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	8	5	13	13
		Cộng	5	47	35	82	16
19	Hoa Thủy Tiên	Nhà trẻ	1	0	15	15	15
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	0	20	20	20
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	13	27	40	20
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	32	18	50	25
		Cộng	6	45	80	125	21
20	Học viện Anhtan	Nhà trẻ	3	32	48	80	27
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	42	10	52	17
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	56	10	66	33
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	38	16	54	27
		Cộng	10	168	84	252	25
21	Sao Ánh Dương	Nhà trẻ	3	20	36	56	19
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	13	29	42	21
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	12	20	32	16
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	8	13	21	21
		Cộng	8	53	98	151	19
22	MAY	Nhà trẻ	3	26	50	76	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	49	26	75	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	4	60	40	100	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	47	17	64	32
		Cộng	12	182	133	315	26
23	STEAME Hà Nội	Nhà trẻ	2	22	23	45	23
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	25	0	25	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	25	0	25	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	24	26	50	25
		Cộng	6	96	49	145	24
24	Hà Nội Bé Hạnh Phúc	Nhà trẻ	2	18	18	36	18
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	14	7	21	21
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	22	0	22	22
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	10	13	23	23
		Cộng	5	64	38	102	20
25	Thế Giới Hạnh Phúc	Nhà trẻ	4	32	40	72	18
		Mẫu giáo 3 tuổi	3	45	30	75	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	45	30	75	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	38	12	50	25
		Cộng	12	160	112	272	23
26	IQ Linh Đàm	Nhà trẻ	2	25	25	50	25
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	23	0	23	23
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	25	0	25	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	23	3	26	26
		Cộng	5	96	28	124	25
27	Sasuke Định Công	Nhà trẻ	1	0	15	15	15
		Mẫu giáo 3 tuổi	1	15	10	25	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	1	25	5	30	30
		Mẫu giáo 5 tuổi	1	29	1	30	30
		Cộng	4	69	31	100	25

TT	Trường Mầm non	Lớp học		Số học sinh			Số HS/lớp
		Tên lớp	Số lớp	Số HS cũ năm học 2020-2021	Số HS tuyển mới năm học 2021-2022	Tổng số sau tuyển sinh	
28	Giấc Mơ Trẻ Thơ	Nhà trẻ	2	6	21	27	14
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	37	20	57	29
		Mẫu giáo 4 tuổi	2	50	15	65	33
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	20	20	40	20
		Cộng	8	113	76	189	24
29	STEAME Hoàng Mai 2	Nhà trẻ	2	27	13	40	20
		Mẫu giáo 3 tuổi	2	47	3	50	25
		Mẫu giáo 4 tuổi	3	62	13	75	25
		Mẫu giáo 5 tuổi	2	40	10	50	25
		Cộng	9	176	39	215	24
Tổng công lập	Nhà trẻ	28	2	748	750	27	
	Mẫu giáo 3 tuổi	98	713	2.246	2.959	30	
	Mẫu giáo 4 tuổi	112	2.686	1.164	3.850	34	
	Mẫu giáo 5 tuổi	131	3.894	897	4.791	37	
	Cộng	369	7.295	5.055	12.350	33	
Tổng Ngoài công lập	Nhà trẻ	64	457	798	1.255	20	
	Mẫu giáo 3 tuổi	60	936	417	1.353	23	
	Mẫu giáo 4 tuổi	59	1.108	337	1.445	24	
	Mẫu giáo 5 tuổi	58	1.029	370	1.399	24	
	Cộng	241	3.530	1.922	5.452	23	
Tổng Mầm non	Nhà trẻ	92	459	1.546	2.005	22	
	Mẫu giáo 3 tuổi	158	1.649	2.663	4.312	27	
	Mẫu giáo 4 tuổi	171	3.794	1.501	5.295	31	
	Mẫu giáo 5 tuổi	189	4.923	1.267	6.190	33	
	Cộng	610	10.825	6.977	17.802	29	

.hg

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 1 NĂM HỌC 2021 - 2022(Kèm theo Kế hoạch số: ~~170~~ /KH-UBND ngày ~~27~~ /5/2021 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Trường Tiểu học	Số lớp	Số Học sinh	Số HS/lớp
1	2	3	4	5
I. Trường công lập:		205	9.000	44
1	Chu Văn An	13	585	45
2	Hoàng Liệt 1	10	450	45
3	Hoàng Liệt 2	11	459	42
4	Đại Kim	17	768	45
5	Đại Từ	10	413	41
6	Đền Lừ	7	300	43
7	Hoàng Văn Thụ	5	215	43
8	Lĩnh Nam	10	450	45
9	Thúy Lĩnh	6	192	32
10	Định Công	12	560	47
11	Giáp Bát	7	312	45
12	Mai Động	13	577	44
13	Tân Định	12	558	47
14	Tân Mai	10	481	48
15	Thanh Trì	14	537	38
16	Thịnh Liệt	12	540	45
17	Trần Phú	8	325	41
18	Vĩnh Hưng	16	731	46
19	Yên Sở	12	547	46
II. Trường ngoài công lập:		21	612	29
1	Bạch Dương	7	202	29
2	May	6	180	30
3	QT Thăng Long	6	180	30
4	TH&THCS QT ViệtNam Singapore	2	50	25
Tổng lớp 1		226	9.612	43

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 NĂM HỌC 2021 - 2022(Kèm theo Kế hoạch số: 170 /KH-UBND ngày 27 / 5 /2021 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Trường THCS	Số lớp	Số Học sinh	Số HS/lớp
1	2	3	4	5
I. Trường công lập:		136	5.884	43
1	Đại Kim	16	702	44
2	Đền Lừ	5	190	38
3	Định Công	5	220	44
4	Giáp Bát	6	240	40
5	Hoàng Liệt	18	810	45
6	Hoàng Văn Thụ	4	150	38
7	Lĩnh Nam	10	444	44
8	Mai Động	9	380	42
9	Tân Định	14	630	45
10	Tân Mai	10	437	44
11	Thanh Trì	8	330	41
12	Thịnh Liệt	8	360	45
13	Trần Phú	5	200	40
14	Vĩnh Hưng	11	481	44
15	Yên Sở	7	310	44
II. Trường ngoài công lập:		8	200	25
1	QT Thăng Long	5	125	25
2	QT Việt Nam Singapore	3	75	25
Tổng lớp 6		144	6.084	42

CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH CẤP MẦM NON NĂM 2021 -2022
(Kèm theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 27/5/2021 của UBND quận Hoàng Mai)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/4/2021 (HS chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường					Chỉ tiêu tuyển mới					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ (2019)	Số HS 3 tuổi (2018)	Số HS 4 tuổi (2017)	Số HS 5 tuổi (2016)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2019)	MG 3 tuổi (2018)	MG 4 tuổi (2017)	MG 5 tuổi (2016)	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2019)	Số HS vào MG 3 tuổi (2018)	Số HS vào MG 4 tuổi (2017)	Số HS vào MG 5 tuổi (2016)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19	20
Công lập	1	MN 10.10	185	102	49	27	363	2	75	118	162	357	58	65	49	27	199	Phường Tương Mai: Tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12
	2	MN Tương Mai	210	183	65	32	490	0	58	156	185	399	60	152	27	32	271	Phường Tương Mai: Tổ 1, 2, 3, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20
	3	MN Tuổi Thơ	146	129	140	35	450	0	0	85	140	225	0	75	35	35	145	Phường Hoàng Văn Thụ: Tổ 12, 17, 21, 22, 25, 26, 27, 28, 29, 32, 33
	4	MN Hoàng V. Thụ	110	120	150	31	411	0	0	84	138	222	0	70	64	31	165	Phường Hoàng Văn Thụ : Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23, 24, 30, 31
	5	MN Tân Mai	54	62	30	19	165	0	65	96	86	247	50	60	24	19	153	Phường Tân Mai: Tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 20
	6	MN Hoa Mai	70	75	15	9	169	0	0	106	151	257	0	50	0	9	59	Phường Tân Mai: Tổ 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21
	7	MN Hoa Hồng	45	30	25	14	114	0	37	84	93	214	25	23	6	14	68	Phường Tân Mai: Tổ 1, 2, 3, 18, 19
	8	MN Mai Động	200	190	130	30	550	0	48	158	154	360	35	162	82	30	309	Phường Mai Động
	9	MN Bình Minh	73	90	72	19	254	0	39	52	73	164	50	36	29	19	134	Phường Giáp Bát: Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9
	10	MN Giáp Bát	77	95	98	21	291	0	37	85	96	218	25	38	35	21	119	Phường Giáp Bát: Tổ 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16
	11	MN Định Công	158	305	108	87	658	0	0	253	263	516	0	240	35	87	362	Phường Định Công
	12	MN Yên Sở	206	168	98	90	562	0	0	200	260	460	40	150	10	90	290	Phường Yên Sở

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/4/2021 (HS chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường					Chỉ tiêu tuyển mới					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ (2019)	Số HS 3 tuổi (2018)	Số HS 4 tuổi (2017)	Số HS 5 tuổi (2016)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2019)	MG 3 tuổi (2018)	MG 4 tuổi (2017)	MG 5 tuổi (2016)	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2019)	Số HS vào MG 3 tuổi (2018)	Số HS vào MG 4 tuổi (2017)	Số HS vào MG 5 tuổi (2016)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
	13	MN Đại Kim	310	229	254	31	824	0	0	91	273	364	0	180	154	31	365	Phường Đại Kim: Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, Chung cư X2-CT1, Chung cư X2-CT2, Chung cư X2-CT3
	14	MN Hoa Sữa	269	156	165	80	670	0	0	0	244	244	0	140	160	80	380	Phường Đại Kim: Tổ 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 35, 36, 37, 38.
	15	MN Thịnh Liệt	226	206	132	51	615	0	31	196	306	533	35	191	96	51	373	Phường Thịnh Liệt
	16	MN Trần Phú	142	123	100	20	385	0	71	95	120	286	50	19	10	20	99	Phường Trần Phú
	17	MN Thanh Trì	125	111	104	22	362	0	35	85	120	240	25	65	40	22	152	Phường Thanh Trì: Tổ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 17
	18	MN Sơn Ca	187	182	78	31	478	0	70	170	184	424	50	92	20	31	193	Phường Thanh Trì: Tổ 1, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16
	19	MN Lĩnh Nam	221	115	90	60	486	0	75	135	183	393	100	75	75	60	310	Phường Lĩnh Nam
	20	MN Hoàng Liệt	1228	866	520	82	2696	0	0	226	291	517	0	245	125	82	452	Phường Hoàng Liệt
	21	MN Vĩnh Hưng	281	224	139	38	682	0	0	86	240	326	70	70	73	38	251	Phường Vĩnh Hưng
	22	MN TH Linh Đàm					0	0	72	125	132	329	75	48	15	68	206	
Tổng Công lập			4523	3761	2562	829	11675	2	713	2686	3894	7295	748	2246	1164	897	5055	
Ngoài Công lập	1	MN Bim Bôn						11	22	16	21	70	19	8	14	9	50	
	2	MN Hoa Hường Dương						0	57	81	79	217	50	18	9	26	103	
	3	MN Thanh Mai						8	8	9	0	25	8	2	6	0	16	
	4	MN Hương Giang						12	38	33	26	109	12	11	1	14	38	
	5	MN TT Mai Động						8	10	9	11	38	8	10	16	14	48	

ky

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/4/2021 (HS chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường					Chỉ tiêu tuyển mới					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực phường
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ (2019)	Số HS 3 tuổi (2018)	Số HS 4 tuổi (2017)	Số HS 5 tuổi (2016)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2019)	MG 3 tuổi (2018)	MG 4 tuổi (2017)	MG 5 tuổi (2016)	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2019)	Số HS vào MG 3 tuổi (2018)	Số HS vào MG 4 tuổi (2017)	Số HS vào MG 5 tuổi (2016)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
	6	MN Thăng Long						8	41	52	61	162	30	25	15	20	90	
	7	MN Hoa Ban						35	67	53	47	202	25	23	23	10	81	
	8	MN Hoàng Mai						20	40	32	24	116	20	10	0	6	36	
	9	MN Vườn.X.Nam Đô						15	80	79	87	261	75	15	10	5	105	
	10	MN Ngôi Nhà Thần Tiên						30	36	40	45	151	30	15	15	25	85	
	11	MN Trăng Sáng Đại Kim						3	7	30	30	70	16	20	10	14	60	
	12	MN Ước Mơ Nhỏ						20	25	45	45	135	20	15	10	5	50	
	13	MN Bạch Dương						15	33	31	63	142	39	27	9	17	92	
	14	MN Trăng An Đại Kim						0	52	68	44	164	25	17	7	11	60	
	15	MN Trăng An Linh Đàm						45	45	60	65	215	45	15	15	25	100	
	16	MN IQ Thông Minh						9	8	13	12	42	9	17	12	13	51	
	17	MN Trăng Sáng						0	44	46	52	142	48	4	0	2	54	
	18	MN Ngôi Sao						10	13	16	8	47	15	10	5	5	35	
	19	MN Hoa Thủy Tiên						0	0	13	32	45	15	20	27	18	80	
	20	Học viện Anhtan						32	42	56	38	168	48	10	10	16	84	
	21	Sao Ánh Dương						20	13	12	8	53	36	29	20	13	98	
	22	MAY						26	49	60	47	182	50	26	40	17	133	
	23	STEAME Hà Nội						22	25	25	24	96	23	0	0	26	49	
	24	Hà Nội Bé Hạnh phúc						18	14	22	10	64	18	7	0	13	38	
	25	Thế Giới Hạnh Phúc						32	45	45	38	160	40	30	30	12	112	

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/4/2021 (HS chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường					Chỉ tiêu tuyển mới					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực phường
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ (2019)	Số HS 3 tuổi (2018)	Số HS 4 tuổi (2017)	Số HS 5 tuổi (2016)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2019)	MG 3 tuổi (2018)	MG 4 tuổi (2017)	MG 5 tuổi (2016)	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2019)	Số HS vào MG 3 tuổi (2018)	Số HS vào MG 4 tuổi (2017)	Số HS vào MG 5 tuổi (2016)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
	26	IQ Linh Đàm						25	23	25	23	96	25	0	0	3	28	
	27	Sasuke Định Công						0	15	25	29	69	15	10	5	1	31	
	28	Giấc Mơ Trẻ Thơ						6	37	50	20	113	21	20	15	20	76	
	29	STEAME Hoàng Mai 2						27	47	62	40	176	13	3	13	10	39	
Tổng Ngoài công lập								457	936	1108	1029	3530	798	417	337	370	1922	
Tổng Quận, Huyện			4523	3761	2562	829	11675	459	1649	3794	4923	10825	1546	2663	1501	1267	6977	

ky

CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Kế hoạch số ~~110~~¹¹⁰/KH-UBND ngày ~~27/2~~^{27/2}/2021 của UBND quận Hoàng Mai)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS		
1	2	3	4	5	6	7	9
Công lập	1	Chu Văn An	592	13	585	- Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 21, 22, 25, 26, 27, 31, 38, 39, 40, 41 phường Hoàng Liệt - Chưa có tổ dân phố: Khu đất dịch vụ Bằng A.	45
	2	Hoàng Liệt 1	491	10	450	Tổ 9, 10, 12, 14, 15, 16A, 16B, 17A, 17B, 20, 23, 24, 28, 29, 30, VP2, VP4, Osaka Complex phường Hoàng Liệt.	45
	3	Hoàng Liệt 2	528	11	459	Tổ 6, 7A, 7B, 8, 11A, 11B, 18, 19, 32, 33, 34, 35, 36, 37, tòa nhà South Building, tòa nhà Hoàng Dương phường Hoàng Liệt.	42
	4	Đại Kim	900	17	768	Tổ 14 (sáp nhập tổ 20, 22); Tổ 15 (sáp nhập tổ 23, 24); Tổ 16 (tổ 21); Tổ 17 (21A1); Tổ 18 (21A2); Tổ 19 (21B1); Tổ 20 (21B2); Tổ 21 (21C1); Tổ 22 (21C2); Tổ 23 (sáp nhập tổ 25A, 25B); Tổ 24 (sáp nhập tổ 26A, 26B); Tổ 25 (sáp nhập tổ 27A, 27B); Tổ 26 (sáp nhập tổ 28A, 28B); Tổ 27 (sáp nhập tổ 32, 33); Tổ 28 (sáp nhập tổ 34, 44, 45); Tổ 29; Tổ 30; Tổ 31; Tổ 35 (Tòa B Vinaconex); Tổ 36 (Tòa C Vinaconex) Tổ 37 (Tòa D - Vinaconex); Tổ 38 (Tòa CT1A; CT1B; CT1C - Thông tấn xã Việt Nam; Khu Biệt thự Kim Văn - Kim Lũ; Khu tháp tầng Kim Văn - Kim Lũ; Tòa Beasky (tổ 28); Tòa Bitexco (tổ 28); Khu đô thị mới Đại Kim (tổ 23) phường Đại Kim.	45

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực phường	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS		
Công lập	2	3	4	5	6	7	9
	5	Đại Từ	449	10	413	Tổ dân phố số 01 (sáp nhập tổ 1, 41, 46); Tổ dân phố số 02 (sáp nhập tổ 2A, 2B, 42); Tổ dân phố số 03 (sáp nhập tổ 2C, 47, Toà nhà 26A); Tổ dân phố số 04 (sáp nhập tổ 3, 4); Tổ dân phố số 05; Tổ dân phố số 06; Tổ dân phố số 07 (sáp nhập tổ 12, 13); Tổ dân phố số 08 (sáp nhập tổ 14, 15, 19, 43, CT1 - ĐN1 - X1 tái định cư); Tổ dân phố số 09; Tổ dân phố số 10; Tổ dân phố số 11; Tổ dân phố số 12 (sáp nhập tổ 17, 38); Tổ dân phố số 13 (sáp nhập tổ 35, 39); Tổ 32(Chung cư HH02A, HH02B thuộc Tòa 32 Đại Từ EcolakeView); Tổ 33(Chung cư HH03A, HH03B thuộc Tòa 32 Đại Từ EcolakeView); Tổ 34(ĐNA, ĐNB - Tòa nhà xã hội thuộc Tổng cục 5 Bộ Công An tại khu Đồng Mô); Chung cư X2-CT1, CT2, CT3 phường Đại Kim	42
	6	Đền Lừ	330	7	300	Từ tổ 44 đến tổ 90 phường Hoàng Văn Thụ. (Tương ứng với tổ mới: 12; 17; 21 ; 22 ; 25; 26; 27 ; 28; 29 ; 32; 33 theo thông báo ngày 16/3/2020 của UBND phường Hoàng Văn Thụ.	43
	7	Hoàng Văn Thụ	215	5	215	Khu dân cư số 1 đến khu dân cư số 8 (Gồm các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23, 24, 30, 31 phường Hoàng Văn Thụ	43
	8	Lĩnh Nam	495	10	450	Từ tổ 1 đến tổ 19 phường Lĩnh Nam	45
	9	Thúy Lĩnh	200	6	192	Từ tổ 20 đến tổ 27 phường Lĩnh Nam	32
	10	Định Công	1162	12	560	Phường Định Công	47
	11	Giáp Bát	312	7	312	Phường Giáp Bát	45
	12	Mai Động	577	13	577	Phường Mai Động	44
	13	Tân Định	558	12	558	Phường Tương Mai	47
	14	Tân Mai	481	10	481	Phường Tân Mai	48
	15	Thanh Trì	575	14	537	Phường Thanh Trì	38
	16	Thịnh Liệt	595	12	540	Phường Thịnh Liệt	45
	17	Trần Phú	325	8	325	Phường Trần Phú	41

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực phường	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS		
1	2	3	4	5	6	7	9
	18	Vĩnh Hưng	731	16	731	Phường Vĩnh Hưng	46
	19	Yên Sở	547	12	547	Phường Yên Sở	46
Tổng công lập			10063	205	9000		44
Ngoài công lập	1	Bạch Dương	0	7	202	Toàn thành phố	29
	2	May	0	6	180	Toàn thành phố	30
	3	QT Thăng Long	0	6	180	Toàn thành phố	30
	4	TH&THCS QT Việt Nam Singapore	0	2	50	Toàn thành phố	25
Tổng ngoài công lập			0	21	612		29
Tổng toàn Quận			10063	226	9612		43

06/2

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2021 - 2022
(Kèm theo Kế hoạch số ~~170~~¹⁷⁰/KH-UBND ngày ~~27~~²⁷/5/2021 của UBND quận Hoàng Mai)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS		
1	2	3	4	5	6	7	8
Công lập	1	THCS Đại Kim	782	16	702	Phường Đại Kim	44
	2	THCS Đèn Lữ	286	5	190	Tổ 12, 17, 21, 22, 25, 26, 27, 28, 29, 32, 33 phường Hoàng Văn Thụ	38
	3	THCS Định Công	725	5	220	Phường Định Công	44
	4	THCS Giáp Bát	240	6	240	Phường Giáp Bát	40
	5	THCS Hoàng Liệt	1155	18	810	Phường Hoàng Liệt	45
	6	THCS Hoàng Văn Thụ	185	4	150	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23, 24, 30, 31 phường Hoàng Văn Thụ	38
	7	THCS Lĩnh Nam	515	10	444	Phường Lĩnh Nam	44
	8	THCS Mai Động	550	9	380	Phường Mai Động	42
	9	THCS Tân Định	630	14	630	Phường Tương Mai	45
	10	THCS Tân Mai	437	10	437	Phường Tân Mai	44
	11	THCS Thanh Trì	375	8	330	Phường Thanh Trì	41
	12	THCS Thịnh Liệt	569	8	360	Phường Thịnh Liệt	45
	13	THCS Trần Phú	249	5	200	Phường Trần Phú	40
	14	THCS Vĩnh Hưng	810	11	481	Phường Vĩnh Hưng	44
	15	THCS Yên Sở	387	7	310	Phường Yên Sở	44
	Tổng Công lập		7895	136	5884		43
Ngoài công lập	1	QT Thăng Long	0	5	125	Toàn Thành phố	25
	2	QT Việt Nam Singapore		3	75	Toàn Thành phố	25
		Tổng Ngoài công lập	0	8	200		25
Tổng toàn Quận			7895	144	6084		42